

Số 19/KH-TH

Đăk Nia, ngày 19 tháng 9 năm 2022

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện công khai trong hoạt động nhà trường năm học 2022 - 2023

Căn cứ Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 “ Nghị định về thực hiện dân chủ trong hoạt động cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập” của Chính Phủ;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT- BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính về việc Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT- BTC ngày 28/9/2018 của Bộ tài chính “Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT- BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Trường Tiểu học Tô Hiệu xây dựng kế hoạch thực hiện công khai năm học 2022 – 2023 như sau:

#### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính, công khai đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin ngân sách theo quy định. Công khai công tác thi đua để người học, các thành viên của nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

#### II. NỘI DUNG CÔNG KHAI

1. Những việc phải công khai được quy định tại Điều 7 của Nghị định số 04/2015/NĐ-CP

1. Chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, của Ngành và những qui định về nội quy, quy chế của nhà trường liên quan đến công việc của nhà trường, đến cán bộ, viên chức và đối với học sinh.

2. Kế hoạch công tác hàng năm, hàng quý, hàng tháng của nhà trường. Kế hoạch tuyển sinh, biên chế năm học có liên quan đến học tập, rèn luyện sinh hoạt và các khoản đóng góp theo qui định. Chủ trương kế hoạch tổ chức cho học sinh phân đầu gia nhập các tổ chức đoàn thể trong nhà trường.

3. Kinh phí hoạt động hàng năm, bao gồm các nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp và các nguồn tài chính khác; quyết toán kinh phí hàng năm của nhà trường; tài sản, trang thiết bị của nhà trường; kiểm toán nhà trường.

4. Hợp đồng làm việc, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ, phân công nhiệm vụ, từ chức, miễn nhiệm; thay đổi chức danh nghề nghiệp, thay đổi vị trí làm việc, chấm dứt hợp đồng làm việc của viên chức; đi công tác nước ngoài, giải quyết chế độ, nâng bậc lương, nâng ngạch, đánh giá, xếp loại, viên chức; khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với cán bộ, viên chức; các đề án, dự án và việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật của nhà trường.

5. Các vụ việc tiêu cực, tham nhũng trong nhà trường đã được kết luận; bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ phải kê khai theo quy định của pháp luật.

6. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ nhà trường.

7. Kết quả tiếp thu ý kiến của cán bộ, viên chức về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của hiệu trưởng nhà trường đưa ra lấy ý kiến cán bộ, viên chức quy định tại Điều 9 của Nghị định này.

8. Văn bản chỉ đạo, điều hành của cơ quan quản lý cấp trên liên quan đến công việc của nhà trường.

## **2. Những việc phải công khai được quy định tại Điều 5 của Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**

*2.1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:*

a) Cam kết chất lượng giáo dục: điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường; chương trình giáo dục dạy học lớp 2 buổi/ngày và chương trình dạy môn tự chọn; yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh; các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh trong nhà trường; kết quả đánh giá về từng năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (Biểu mẫu 05), giao

đ/c Phạm Thị Ngọc – Phó hiệu trưởng hoàn thành sau hội nghị viên chức năm học 2022 – 2023.

b) Chất lượng giáo dục thực tế: số học sinh học 2 buổi/ngày; số học sinh được đánh giá định kỳ cuối năm học về từng năng lực, phẩm chất, kết quả học tập, tổng hợp kết quả cuối năm học 2021 – 2022 của nhà trường (Biểu mẫu 06), giao đ/c Phạm Thị Ngọc – Phó hiệu trưởng hoàn thành trước ngày tuyển sinh 01/7/2022.

c) Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian.

d) Kiểm định cơ sở giáo dục: công khai báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

### *2.2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục*

a) Cơ sở vật chất: số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh bán trú, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có và còn thiếu so với quy định (Biểu mẫu 07); giao đ/c Trương Khánh Toàn – Phó hiệu trưởng hoàn thành trước ngày tuyển sinh 01/7/2022.

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên: Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo. (Biểu mẫu 08); giao đ/c Lê Thị Nguyên – Nhân viên kế toán hoàn thành trước ngày tuyển sinh 01/7/2022.

### *2.3. Công khai thu chi tài chính*

a) Thực hiện như quy định tại điểm a, c, d, đ của khoản 3 Điều 4 của Quy chế bao gồm:

- Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục: Công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và các văn bản hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính.

- Các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước



ngoài; mức thu nhập hằng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp 4 nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

- Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

- Kết quả kiểm toán (nếu có): thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại các văn bản quy định hiện hành về công khai kết quả kiểm toán và kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

b) Mức thu các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho cả cấp học.

c) Kết quả thực hiện trong từng năm học.

**3. Những việc phải công khai được quy định tại Điều 3 và Điều 7 của Thông tư số 61/2017/TT- BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính về việc Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và thay thế các biểu mẫu theo Thông tư số 90/2018/TTBTC ngày 28/9/2018 của Bộ tài chính**

3.1. Công khai quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước giao cho nhà trường năm 2020 (Mẫu biểu số 1 ban hành kèm theo Thông tư 90/2018/TT-BTC);

3.2. Công khai dự toán thu chi ngân sách nhà trường năm 2022 (Mẫu biểu số 2 ban hành kèm theo Thông tư 90/2018/TT-BTC).

3.3. Công khai dự toán thu chi ngân sách quý ( 6 tháng/năm). (Mẫu biểu số 3 ban hành kèm theo Thông tư 90/2018/TT-BTC).

3.4. Công khai Quyết toán thu-chi các khoản ngoài ngân sách năm học 2020- 2021. Nhà trường giao cho đ/c Lê Thị Nguyên - Nhân viên kế toán hoàn thành theo thời gian quy định.

#### **4. Các nội dung công khai khác**

4.1. Công khai công tác thi đua, khen thưởng

- Công khai đăng kí thi đua, khen thưởng của tập thể và cá nhân năm học 2021 – 2022.

4.2. Công khai các hoạt động của CMHS trường, lớp

- Công khai số tiền các lớp trích lập quỹ trường, lập quỹ lớp.

- Công khai dự toán chi thường và chi các hoạt động của CMHS trường, hoạt động của CMHS lớp. Nhà trường phối hợp với Ban đại diện CMHS thực hiện công khai sau các cuộc họp CMHS.

4.3. Công khai đường dây nóng; nội quy nhà trường; lịch làm việc; lịch tiếp dân trong nhà trường. 4

4.4. Công khai kê khai tài sản đối với ban giám hiệu và kế toán, thủ quỹ.

4.5. Công khai danh mục sách giáo khoa và tài liệu tham khảo lớp 3 và các lớp 1; 2 ; 4; 5; 6 năm học 2022- 2023.

### **III. HÌNH THỨC VÀ THỜI ĐIỂM CÔNG KHAI**

#### **1. Hình thức công khai**

- Công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

- Niêm yết công khai tại nhà trường (trên bảng niêm yết công khai).

- Công khai trong các kỳ họp của nhà trường, hội nghị Ban đại diện CMHS.

#### **2 . Thời điểm công khai**

*2.1. Đối với các biểu công khai theo Thông tư 61/2017/TT-BTC) và Thông tư 90/2018/TT-BTC).*

- Báo cáo dự toán ngân sách nhà nước phải được công khai chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày được đơn vị dự toán cấp trên hoặc cấp có thẩm quyền giao đầu năm và điều chỉnh giảm hoặc bổ sung trong năm (nếu có).

- Báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước hằng quý, 6 tháng phải được công khai chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày kết thúc quý và 06 tháng.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước hàng năm được công khai chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày đơn vị báo cáo đơn vị dự toán cấp trên trực tiếp.

- Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước phải được công khai chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày được đơn vị dự toán cấp trên hoặc cấp có thẩm quyền phê duyệt.

*2.2. Đối với các biểu công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT*

a) Công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường vào tháng 6 hằng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và kịp thời trước khi khai giảng năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

b) Niêm yết công khai tại bảng công khai của nhà trường đảm bảo thuận tiện để xem xét. Thời điểm công khai là tháng 6 hằng năm và cập nhật đầu năm



học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

c) Phổ biến trong cuộc họp cha mẹ học sinh toàn trường trong buổi họp cha mẹ học sinh. Bất cứ lúc nào khi nhà trường hoạt động, cha mẹ học sinh và những người quan tâm đều có thể tiếp cận các thông tin trên. Để chuẩn bị cho năm học mới, nhà trường có thể cung cấp thêm các thông tin liên quan khác để cha mẹ học sinh nắm rõ và phối hợp thực hiện.

### *2.3. Công khai công tác thi đua, khen thưởng*

Công khai đăng kí thi đua, khen thưởng của tập thể và cá nhân năm học 2022 – 2023, thời gian sau tổ chức hội nghị viên chức lao động năm học 2022 – 2023.

### *2.4. Công khai các hoạt động của CMHS trường, lớp*

- Công khai số tiền các lớp trích lập quỹ trường, lập quỹ lớp.  
- Công khai dự toán chi thường và chi các hoạt động của CMHS trường, hoạt động của CMHS lớp.

- Nhà trường phối hợp với Ban đại diện CMHS thực hiện công khai sau các cuộc họp CMHS đầu năm học.

### *2.5/ Công khai đường dây nóng; nội quy nhà trường; lịch làm việc; lịch tiếp dân trong nhà trường:*

Nhà trường giao đ/c Phạm Thị Ngọc – Phó hiệu trưởng hoàn thành trước ngày tuyển sinh 01/7/2022.

### *2.6. Công khai kê khai tài sản đối với ban giám hiệu và kế toán, thủ quỹ.*

Nhà trường giao cho đ/c Lê Thị Nguyên - Nhân viên kế toán hoàn thành theo thời gian quy định.

*2.7. Công khai danh mục sách giáo khoa và tài liệu tham khảo lớp 3 và các lớp 1; 2; 4; 5; 6 năm học 2022- 2023:* thực hiện theo quy định trước khi phụ huynh đăng kí mua sách.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Đối với Ban chỉ đạo**

Có trách nhiệm tổ chức công khai trong Hội đồng sư phạm nhà trường, Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp, trường; các tài liệu in đầy đủ niêm yết ở vị trí phòng Hội đồng giáo viên rất thuận tiện theo dõi gồm:

- Quy chế công khai cơ sở giáo dục theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT và kế hoạch thực hiện Quy chế của nhà trường, có đính kèm các biểu mẫu báo cáo;

- Quy chế làm việc của trường;
- Quy chế dân chủ cơ sở; Bảng tổng hợp kết quả giáo dục học lực và hạnh kiểm của học sinh theo khối lớp, trường;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho từng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo từng thời điểm trong năm học (Theo sự phân công của đồng chí trưởng ban chỉ đạo).

## **2. Đội ngũ CBQL, GV, NV trong đơn vị**

- Thực hiện nghiêm túc nội dung công khai.
- Căn cứ vào nội dung các biểu công khai đã niêm yết tại văn phòng trường, sau khi xem nhận thấy có nội dung nào chưa hợp lý phải có ý kiến với trưởng ban chỉ đạo để có chỉ đạo kịp thời bổ sung cho hợp lý.

Trên đây là kế hoạch Thực hiện công khai về chất lượng giáo dục thực tế, điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và thu chi tài chính năm học 2022-2023 của trường Tiểu học Tô Hiệu. Nhà trường yêu cầu các bộ phận, cá nhân công tác, các cá nhân có liên quan triển khai thực hiện nghiêm túc, trong quá trình thực hiện gặp vướng mắc, đề nghị báo cáo Hiệu trưởng để kịp thời giải quyết./.

### **Nơi nhận:**

- Phòng GD&ĐT (b/c)
- Trưởng các tổ chức Đoàn thể;(p/h)
- Trưởng các bộ phận; (t/h)
- Lưu VT.

**HIỆU TRƯỞNG**



*Nguyễn Quang Phú*

**THÔNG BÁO****Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2022 – 2023**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	<b>Điều kiện tuyển sinh</b>	<p>1. Tuổi của học sinh tiểu học từ 6 đến 14 tuổi (tính theo năm).</p> <p>2. Tuổi vào học lớp 1 là 6 tuổi; trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em ở nước ngoài về nước có thể vào học lớp 1 ở độ tuổi từ 7 đến 9 tuổi.</p> <p>3. Nhà trường tuyển sinh học sinh có hộ khẩu và tạm trú tại thôn Đăk Tân, Thôn Phú Xuân, Bon Srê Ú xã Đăk Nia.</p>				
II	<b>Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện</b>	<p>Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/05/2006.</p> <p>Thực hiện 35 tuần/năm học theo Quyết định số 1403/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Nông</p> <p><b>1. Ngày tựu trường:</b> 22/8/2022;  <b>2. Ngày khai giảng:</b> 5/9/2022;  <b>3. Học kỳ I:</b> Từ ngày : 06/9/2022 đến trước 08/01/2023 (gồm 18 tuần).  <b>3. Ngày kiểm tra cuối học kỳ I:</b> Từ ngày ..... đến .....2022  <b>4. Ngày sơ kết học kỳ I :</b>  <b>5. Học kỳ II:</b> Từ ngày 09/01/2023 đến 31/5/2023 (gồm 17 tuần)  <b>5. Tổng kết năm học:</b> Từ ngày 25/5/2023 đến 31/5/2023. Kết thúc năm học ngày 31/5/2023</p>				
III	<b>Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh</b>	<p><b>1. Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Thực hiện theo Thông tư 55/ 2011/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 22/11/2011 ban hành Điều lệ Ban Đại diện Cha mẹ học sinh.</li> <li>- Cơ sở giáo dục thường xuyên thông tin các hoạt động của trường, của ngành thông qua hệ thống bảng tin, sổ liên lạc, của đơn vị.</li> <li>- Hợp Cha mẹ học sinh 02 kỳ/năm</li> <li>- Thông tin về Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đánh giá học sinh tiểu học.</li> <li>- Gia đình thường xuyên trao đổi với giáo viên chủ nhiệm</li> </ul>				



		<p>hoặc qua số liên lạc, ...</p> <p><b>2. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chấp hành tốt các nội quy học sinh.</li> <li>- Thái độ học tập tích cực, chủ động.</li> <li>- Thực hiện tốt theo 5 điều Bác Hồ dạy.</li> <li>- Biết cách tự học; tự giác và có kỷ luật.</li> <li>- Năng động, sáng tạo; biết hợp tác và chia sẻ.</li> </ul>
IV	<b>Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh hoạt tập thể, sinh hoạt dưới cờ theo từng chủ điểm, hoạt động ngoại khoá theo yêu cầu thực tế, phù hợp cho từng lứa tuổi học sinh.</li> <li>- Sinh hoạt Đội, Sao Nhi đồng.</li> <li>- Tổ chức các Lễ phát động: tháng An toàn giao thông, theo chủ đề năm học...</li> <li>- Tổ chức hội giao lưu: Viết đúng viết đẹp, Đố vui đố học, Trò chơi dân gian ..</li> <li>- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo.</li> </ul>
V	<b>Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được</b>	<p>Thực hiện 5 nhiệm vụ học sinh đầy đủ 100%</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% học sinh hoàn thành rèn luyện năng lực, phẩm chất</li> <li>- Lễ phép, tích cực, năng động</li> <li>- Được giáo dục về kỹ năng sống</li> <li>- Có ý thức bảo vệ môi trường</li> <li>- Giữ vững hiệu suất đào tạo, hoàn thành chương trình lớp học đạt từ 97 %</li> <li>- Học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình bậc Tiểu học: 100%.</li> <li>- Không có học sinh bỏ học.</li> <li>- Đảm bảo vệ sinh ATTP cho học sinh</li> <li>- Thường xuyên tổ chức vệ sinh trường lớp.</li> <li>- 100 % học sinh được chăm sóc sức khoẻ ban đầu.</li> <li>- 100% học sinh tham gia bảo hiểm y tế.</li> </ul>
VI	<b>Khả năng học tập tiếp tục của học sinh</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kiến thức, kỹ năng cơ bản vững chắc.</li> <li>- Đủ sức để học ở lớp trên hoặc cấp học trên.</li> <li>- Tăng cường công tác thẩm định và bàn giao chất lượng giáo dục giữa lớp dưới với lớp trên cũng như giữa tiểu học lên THCS.</li> <li>- Tăng cường giáo dục các kỹ năng sống cho học sinh.</li> </ul>

Đăk Nia, ngày 06 tháng 9 năm 2022

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên và đóng dấu)



*Nguyễn Quang Phú*

UBND THÀNH PHỐ GIA NGHĨA  
TRƯỜNG Tiểu học Tô Hiệu

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2022 - 2023**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
<b>I</b>	<b>Tổng số học sinh</b>	258	75	49	50	49	35
<b>II</b>	<b>Số học sinh học 2 buổi/ngày</b>	258	75	49	50	49	35
<b>III</b>	<b>Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất</b>	258	75	49	50	49	35
1	<b>Tốt</b> (tỷ lệ so với tổng số)						
2	<b>Đạt</b> (tỷ lệ so với tổng số)						
3	<b>Cần cố gắng</b> (tỷ lệ so với tổng số)						
<b>IV</b>	<b>Số học sinh chia theo kết quả học tập</b>	258	75	49	50	49	35
1	<b>Hoàn thành tốt</b> (tỷ lệ so với tổng số)						
2	<b>Hoàn thành</b> (tỷ lệ so với tổng số)						
3	<b>Chưa hoàn thành</b> (tỷ lệ so với tổng số)						
<b>V</b>	<b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>	258	75	49	50	49	35
1	<b>Lên lớp</b> (tỷ lệ so với tổng số)						
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)						
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)						
2	<b>Ở lại lớp</b> (tỷ lệ so với tổng số)						

Đắk Nra, ngày 06 tháng 9 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Quang Phú

UBND THÀNH PHỐ GIA NGHĨA  
TRƯỜNG TIỂU HỌC TÔ HIỆU

### THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2022 – 2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
<b>I</b>	<b>Số phòng học/số lớp</b>	11/15	1,25 m2/học sinh
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>		-
1	Phòng học kiên cố	0	-
2	Phòng học bán kiên cố	11	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ, mượn	0	-
<b>III</b>	<b>Số điểm trường lẻ</b>	1	-
<b>IV</b>	<b>Tổng diện tích đất (m<sup>2</sup>)</b>	24.881	
<b>V</b>	<b>Diện tích sân chơi, bãi tập (m<sup>2</sup>)</b>	750	
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích các phòng</b>		
1	Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )	462	
2	Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )	42	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m <sup>2</sup> )	0	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m <sup>2</sup> )	0	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m <sup>2</sup> )	0	
6	Diện tích phòng học tin học (m <sup>2</sup> )	42	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m <sup>2</sup> )	0	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m <sup>2</sup> )	0	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m <sup>2</sup> )	42	



<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)</b>		<b>Số bộ/lớp</b>
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	1	
1.2	Khối lớp 2	1	
1.3	Khối lớp 3	1	
1.4	Khối lớp 4	1	
1.5	Khối lớp 5	1	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1	1	
2.2	Khối lớp 2	1	
2.3	Khối lớp 3	1	
2.4	Khối lớp 4	1	
2.5	Khối lớp 5	1	
<b>VIII</b>	<b>Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)</b>	8	<b>Số học sinh/bộ</b>
<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị dùng chung khác</b>		<b>Số thiết bị/lớp</b>
1	Ti vi	1	
2	Cát xét	1	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	4	
5	Thiết bị khác...	0	
6	.....		
	<b>Nội dung</b>	<b>Số lượng(m<sup>2</sup>)</b>	
<b>X</b>	<b>Nhà bếp</b>	0	
<b>XI</b>	<b>Nhà ăn</b>	0	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
<b>XII</b>	<b>Phòng nghỉ cho học sinh bán trú</b>	0	0	0
<b>XIII</b>	<b>Khu nội trú</b>			

<b>XIV</b>	<b>Nhà vệ sinh</b>	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m <sup>2</sup> /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	0	2	0	0
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(\*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
<b>XV</b>	<b>Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh</b>	x	
<b>XVI</b>	<b>Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)</b>	x	
<b>XVII</b>	<b>Kết nối internet</b>	x	
<b>XVIII</b>	<b>Trang thông tin điện tử (website) của trường</b>		x
<b>XIX</b>	<b>Tường rào xây</b>	x	

Đăk Nia, ngày 26 tháng 9 năm 2022

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên và đóng dấu)



*Nguyễn Quang Phú*

UBND THÀNH PHỐ GIA NGHĨA  
TRƯỜNG TIỂU HỌC TÔ HIỆU

### THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên  
của trường tiểu học, năm học 2022 – 2023**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	<b>Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên</b>	21	0	0	11	4	5	0	4	4	9			0	0
<b>I</b>	<b>Giáo viên</b>	14	0	0	7	4	3	0	4	4	6			0	0
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Tiếng dân tộc	5	0	0	5	0	0	0	0	0	5	0	0	0	0
2	Ngoại ngữ	1	0	0	1	0	0	0	0	0	1				
3	Tin học	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Âm nhạc	1	0	0	0	1	0	0	0	1	0				
5	Mỹ thuật	1	0	0	0	1	0	0	1	0	0				
6	Thể dục	1	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0
<b>II</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	3	0	0	3	0	0	0	0	0	3				
1	Hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	2	0	0	2	0	0	0	0	0	2				

<b>III</b>	<b>Nhân viên</b>	3	0	0	1	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Nhân viên văn thư	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Nhân viên kế toán	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Thủ quỹ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Nhân viên y tế	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Nhân viên thư viện	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Nhân viên công nghệ thông tin	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Đắk Nra, ngày 26 tháng 9 năm 2022

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên và đóng dấu)



*Nguyễn Quang Phú*